

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2024/HSST

Ngày: 16/7/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Ái Q.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn B.

2. Bà Lê Thị Kiều T.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị C, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P – tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn T, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh T, Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2024/HSST ngày 17 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. TRẦN NGỌC N, Sinh năm: 1998 tại tỉnh T.

Nơi ĐKTT và chỗ ở: Khu phố 7, phường N, thành phố P, tỉnh T; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc M và bà Trần Thị A. Chưa có vợ, con.

Tiền án: Ngày 07/5/2020, Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 03/2020/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/3/2021.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 18/11/2022, Tòa án nhân dân thành phố P ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng (theo Quyết định số 82/QĐ-TA).

Bị cáo hiện đang chấp hành cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh T.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. TRƯƠNG TẤN T, Sinh năm: 1996 tại tỉnh T.

Nơi ĐKTT và chỗ ở: Khu phố 7, phường N, thành phố P, tỉnh T; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Đ và bà Hồ Thị Tô Kim H. Chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 30/6/2015, Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” tại bản án số 25/2015/HSST.

+ Ngày 19/01/2016, Tòa án nhân dân thành phố P xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 17/2016/HSTT (*khi bị kết án, Tín là người dưới 18 tuổi*). Tổng hợp với 03 năm tù tại bản án số 25/2015/HSST của TAND tỉnh T là 04 năm tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/01/2018. Đã xóa án tích.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ – Công an thành phố P.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

Nguyễn Thị Xuân C, sinh năm 1984. Trú tại: thôn T, xã N, thành phố P, tỉnh T (vắng mặt).

Trần Văn C, sinh năm 1990. Trú tại: thôn T, xã N, thành phố P, tỉnh T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong hai ngày 29/5/2022 và 31/5/2022, các bị cáo Trương Tấn T và Trần Ngọc N đã thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố P, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 18 giờ ngày 29/5/2022, bị cáo Trương Tấn T điều khiển xe mô tô biển số **Q8-177.32 chở bị cáo Trần Ngọc N đi đến đường M, xã N, thành phố P nhằm mục đích trộm cắp tài sản. Khi đi đến trước cửa hàng vật liệu xây dựng PC của chị Nguyễn Thị Xuân C (sinh năm 1984, trú tại thôn T, xã N, thành phố P) thì phát hiện có 01 mâm xe tải để bên hông nhà, không có người trông coi. T và N lén lút khiêng mâm xe lên xe mô tô rồi T điều khiển xe mô tô **Q8-177.32 chở N cùng với mâm xe tải đến một tiệm thu mua phế liệu (không nhớ địa chỉ) ở phường P, thành phố P bán được 400.000 đồng. Số tiền trên T và N đã chia nhau tiêu xài hết.

Phát hiện bị mất tài sản, chị C đã đến Công an xã N trình báo sự việc. Cơ quan Công an đã truy tìm mâm xe tải nhưng không thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 100/KL-HĐĐGTS ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố P kết luận:

- 01 mâm xe tải (loại mâm xe ben có nhãn hiệu Thaco, tải trọng 8,25 tấn), mâm mới 100% trị giá 2.310.000 đồng.

Về dân sự: Gia đình của Trương Tấn T đã bồi thường số tiền 2.310.000 đồng cho chị C. Bị hại không yêu cầu gì thêm về dân sự.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 31/5/2022, bị cáo Trương Tấn T điều khiển xe mô tô biển số **Q8-177.32 chở bị cáo Trần Ngọc N đi đến xã N, thành phố P nhằm mục đích trộm cắp tài sản. Khi đi đến ngôi nhà đang xây dựng của anh Trần Văn C (sinh năm 1990, trú tại thôn T, xã N, thành phố P) thì phát hiện phía trước nhà có 01 cuộn sắt loại phi 6, trọng lượng 50kg, không có người trông coi. T ngồi trên xe mô tô cách đó khoảng 11 mét để canh giới, còn N lên lút lấy cuộn sắt bỏ lên xe để T điều khiển xe chở N cùng với cuộn sắt đi bán. Khi T và N đi được khoảng hơn 200 mét thì bị anh Công phát hiện, điều khiển xe mô tô đuổi theo, yêu cầu T và N chở cuộn sắt về lại vị trí đã lấy trộm rồi gọi điện báo Công an xã N đưa T, N về trụ sở làm việc.

Vật chứng của vụ án:

- 01 cuộn sắt phi 6, trọng lượng 50kg: do anh Trần Văn C giao nộp.
- 01 chiếc xe mô tô hiệu Sirius, biển số **Q8-177.32: thu giữ của Trương Tấn T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 115/KL-HĐĐGTS ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. P kết luận: 01 cuộn sắt phi 6, mới 100%, trọng lượng 50kg trị giá 1.200.000 đồng.

Về dân sự: Cơ quan điều tra đã trả lại cuộn sắt cho anh Trần Văn C. Bị hại không yêu cầu N, T bồi thường gì về dân sự.

Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô biển số **Q8-177.32, do anh Nguyễn Minh H (sinh năm 1992, trú tại thôn 3, xã S, huyện L, tỉnh T) đứng tên chủ sở hữu. Anh H đã bán chiếc xe mô tô trên cho ông Trương Văn Đ (sinh năm 1968, trú tại khu phố 7, phường N, thành phố P, là cha ruột của Trương Tấn T). Ngày 29 và 31/5/2022, T tự ý lấy xe mô tô biển số **Q8-177.32 đi làm phương tiện trộm cắp tài sản cùng với N thì ông Đ không biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố P đã trả lại chiếc xe mô tô biển số **Q8-177.32 cho ông Đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo N và T không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản nêu trên.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Ngọc N và Trương Tấn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 282/CT – VKSPT – HS ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh T đã truy tố các bị cáo Trần Ngọc N và Trương Tấn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự;

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Trần Ngọc N và Trương Tấn T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Các bị cáo biết việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, bất chấp hậu quả.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Các bị cáo Trần Ngọc N và Trương Tấn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Ngọc N với mức hình phạt từ 12 tháng đến 18 tháng tù;

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự ; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trương Tấn T với mức hình phạt từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Bị hại Nguyễn Thị Xuân C và Trần Văn C không yêu cầu bị cáo bồi thường gì về dân sự nên không buộc các bị cáo phải bồi thường.

Các bị cáo N và T không trình bày lời bào chữa, không tranh luận gì với Kiểm sát viên đồng thời thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như lời kết tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo Trần Ngọc N và Trương Tấn T: sau khi phạm tội bị cáo rất ân hận về hành vi đã thực hiện mong Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt, bị cáo hứa sẽ học tập rèn luyện để trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ buộc tội các bị cáo:

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra Công an thành phố P, cũng như lời khai của bị hại và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận:

Vào khoảng 18 giờ 50 phút, ngày 29/5/2022, tại cửa hàng vật liệu xây dựng PC thuộc thôn T, xã N, thành phố P, bị cáo Trần Ngọc N và Trương Tấn T cùng nhau trộm cắp 01 mâm xe tải trị giá 2.310.000 đồng của chị Nguyễn Thị Xuân C rồi đem đến tiệm phở liệu ở phường P, thành phố P bán được 400.000 đồng tiêu xài hết.

Vào khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 31/5/2022, tại thôn T, xã N, thành phố P, bị cáo Trần Ngọc N và Trương Tấn T cùng nhau trộm cắp 01 cuộn sắt phi 6, trọng lượng 50kg trị giá 1.200.000 đồng của anh Trần Văn C.

Mặc dù tài sản mà các bị cáo N, T trộm cắp ngày 31/5/2022 có giá trị dưới 2.000.000 đồng tuy nhiên tại bản án số 03 ngày 07/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh T tuyên xử phạt bị cáo Trần Ngọc N 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bản án đã có hiệu lực pháp luật, bị cáo chưa được xóa án tích, ngày 31/5/2022 tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này của N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

Do đó hành vi của Trần Ngọc N và Trương Tấn T đã thực hiện như đã nêu trên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt đối với các bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo cho thấy:

Trần Ngọc N và Trương Tấn T vì động cơ tư lợi cá nhân đã cố ý thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, hành vi này là nguy hiểm cho xã hội không những đã xâm phạm đến quan hệ về quyền sở hữu hợp pháp của công dân mà còn gây mất trật tự trị an địa phương.

Các bị cáo đã cùng nhau thực hiện tội phạm, mặc dù có sự thống nhất nhưng không có sự bàn bạc, phân công vai trò đáng kể nên tính chất của đồng phạm là đồng phạm giản đơn. Bị cáo N đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản mà mỗi lần đều cấu thành tội phạm độc lập nên thuộc trường hợp “*Phạm tội 02 lần trở lên*” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Mặt khác, bị cáo N là người đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích, nay tiếp tục phạm tội mới với lỗi cố ý, nên thuộc trường hợp “*Tái phạm*”, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra các bị cáo nhân thân xấu. Vì vậy cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, bị cáo Nghi phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo T, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội và cũng là để giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, xét thấy tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Gia đình bị cáo T đã khắc phục hậu quả cho bị hại C, nên bị cáo T được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Bị hại không có yêu cầu bồi thường về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 mâm xe tải (loại mâm xe ben có nhãn hiệu Thaco, tải trọng 8,25 tấn), Cơ quan Công an đã truy tìm mâm xe tải nhưng không thu hồi được. Gia đình của Trương

Tấn T đã bồi thường số tiền 2.310.000 đồng cho bà C. Bà C không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với 01 cuộn sắt phi 6, trọng lượng 50kg, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố P đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho bị hại Trần Văn C. Ông C đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với chiếc xe mô tô biển số **Q8-177.32, do anh Nguyễn Minh H (sinh năm 1992, trú tại thôn 3, xã S, huyện L, tỉnh T) đứng tên chủ sở hữu. Anh H đã bán chiếc xe mô tô trên cho ông Trương Văn Đ (sinh năm 1968, trú tại khu phố 7, phường N, thành phố P, là cha ruột của Trương Tấn T). Ngày 29 và 31/5/2022, T tự ý lấy xe mô tô biển số **Q8-177.32 đi làm phương tiện trộm cắp tài sản cùng với N thì ông Đ không biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố P đã trả lại chiếc xe mô tô biển số **Q8-177.32 cho ông Đ nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí : Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; điểm g, h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Trần Ngọc N phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt:

Bị cáo Trần Ngọc N 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Áp dụng: Điều 117 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo Trần Ngọc N được miễn chấp hành phần thời gian còn lại theo quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 82/QĐ-TA ngày 18/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh T, kể từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Trương Tấn T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt:

Bị cáo Trương Tấn T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/6/2024.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, tuyên buộc các bị cáo Trần Ngọc N và Trương Tấn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/7/2024). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- VKSND thành phố P;
- VKSND tỉnh T;
- TAND tỉnh T;
- Công an thành phố P;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND địa phương nơi b/c thường trú;
- Thi hành án thành phố P;
- Lưu hồ sơ.

**TM – HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Ái Q